

# ĐÔI PHÁO THỦ

*Trần Văn Bường, K18*

*(tiếp theo)*

Khi có dịp về Sông Mao tôi thường ghé Tuy Phong, Chợ Lầu, Hòa Đa, Phan Rí thăm vài bạn cũ và thường thức gỏi cá mai, cá trích. Khi vượt núi Tà Dôn về Phan Thiết tôi không quên dừng lại chợ Phú Long ăn bánh hỏi lòng heo ngon nổi tiếng mà lúc còn hàn sinh hiếm dịp có tiền thưởng thức. Trên đường về thăm cha mẹ, xe phải chạy ngang qua trường Trung Học Phan Bội Châu ngày nào. Đồi lần đứng vào giờ tan học, được dịp nhìn lại cảnh hàng hàng lớp lớp các tà áo dài trắng tung bay trước gió dưới ánh chiều tà cùng những nụ cười vô tư xinh xắn, duyên dáng và đẹp đẽ làm sao! Mình chỉ khen thầm chứ “ván đã đóng thuyền” rồi còn gì tiếc nuối. Cảnh nao nức mừng rỡ sau giờ tan học của trường hôm nay nào có khác thời mình trước đây.

*Tan trường về em đi thong thả*

*Mái tóc thề buông xóa bờ vai*

*Chàng si tình đeo theo rí rá*

*Em then thùng nón lá che tai.*

*(để liếc nhìn chàng nào theo dê mình).*

Cảnh cũ trường xưa và những nơi quen thuộc thời thơ ấu thường hiện ra trong tiềm thức người viễn xứ. Quê nghèo chứ tình người không nghèo nên mỗi khi về quê, tôi thường qua lại những ngôi trường cũ xóm xưa thăm thầy kính bạn yêu.

Chiều chiều, tôi lái xe xuống biển Thương Chánh ngồi dưới bóng mát đôi dương với vài người bạn học cũ, nhắm nháp ít chai bia nhìn những con thuyền xa tít tận ngoài khơi đang lướt sóng hướng về cửa biển Phan Thiết, trong niềm phấn khởi sẽ gặp lại gia đình sau một vài ngày lênh đênh trên đại dương mò tìm nguồn sống. Đôi khi trên đường ra Mũi Né thăm mấy bạn học cũ, dừng chân tại Rạng uống mấy trái dừa xiêm ngọt mát làm sao! Đứng từ Lầu Ông Hoàng nhìn ra Mũi Né, Ghềnh, rồi quay ngược 180 độ về Thương Chánh, Bình Tú, Khê Gà, Lagi, thấy Bình Thuận mình đẹp quá! Một vùng đất rộng hình bán nguyệt giáp biển Đông nhiều hải sản quý, dân tình cần cù chất phác, thân thiện. Quê ta đẹp quá kể cả lòng người!!!

### **Đèo Chupao 1972**

“Thành thoi thơ túi rượu bầu” chẳng được bao lâu, cuộc chiến trở nên dữ dội ở vùng cao nguyên vào lúc ”Mùa Hè Đỏ Lửa” năm 1972. Vào cuối mùa Hè năm ấy, Cộng Sản Bắc Việt đã được đồng minh Nga Tàu của chúng trang bị đầy đủ vũ khí, xe tăng, đại bác đủ loại vừa đánh tan Bộ Chỉ Huy Sư Đoàn 22 Bộ Binh VNCH tại Tân Cảnh (KonTum). Thừa thắng xông lên chúng tiếp tục tiến đánh thị xã Kontum. Nào ngờ chúng bị thảm bại nặng nề do Sư Đoàn 23 BB, cùng lực lượng tiểu khu và nhiều đơn vị tăng phái khác cùng tử thủ. Đặc biệt chúng bị bom hạng nặng từ phi cơ B52 Mỹ thả ngày đêm trên đường tiến quân.

Lúc ấy Đại Úy Nguyễn Văn Chí, Pháo Đội Trưởng Pháo Đội A cùng Tiểu Đoàn 233 PB với tôi, vừa bị tử trận. Trung Úy Nguyễn Văn Nhường tạm thay thế Đại Úy Chí, đóng quân tại Căn Cứ 41A cạnh Quốc Lộ 14, giữa Pleiku và Kontum. Pháo đội B của tôi đang đóng tại Phan Rang được lệnh lên thay thế Pháo Đội A gấp, chỉ thay người súng để tại chỗ. Lệnh hối thúc gấp, chỉ cần một trung đội đi thay trước, hai trung đội còn lại tiếp tục thay sau. Để cho công bình trong việc thay đổi này, tôi hỏi ý kiến ba trung đội trưởng trực thuộc xem ai muốn đi lên trước cùng tôi. Cả ba môn đệ trường Phan Bội Châu

đều chịu chơi cả không ai muốn đi sau. Cuối cùng tôi nhận thấy Trung Úy Nguyễn Duy Mẫn và Trung Úy Nguyễn Văn Thuận đều có gia đình bên cạnh, nên quyết định chọn Trung Úy Nguyễn Văn Anh đang còn “độc thân vui tính” đi trước với tôi. Trung Sĩ Quan không chịu thuộc loại “vịt đẹt” chết nhất cũng xin đi ngay.

Khi đó vợ tôi vừa sanh đứa con thứ hai khoảng một tuần còn yếu, nhưng tôi không muốn lấy lý do vợ mới sanh để xin nghỉ phép đặc biệt đưa vợ về Sài Gòn trong lúc này, mà chỉ thi hành lệnh. Má tôi tại Phan Thiết ra Phan Rang khá gần nhưng bà đang bị ‘bán thân bắt tội’ không thể nào giúp cô dâu được. Trước hoàn cảnh khó khăn này tôi đánh điện nhờ bà nhạc tôi từ Sài Gòn ra đón đùm vợ tôi về nhà bà giúp đùm. Trong lúc chờ đợi tôi nhờ vợ chú tài xế chăm sóc đùm ít ngày chờ bà già vợ tôi ra đón về.

Không thể chần chờ lâu hơn, tôi phải lên đường càng sớm càng tốt. Để tránh sự bịn rịn lo âu cho người ở lại, tôi vội vàng vào an ủi vợ con đôi phút rồi ra xe giục tài xế nổ máy khởi hành hướng đến Nha Trang ngay. Một cuộc chia tay không báo trước đem lại nhiều sự lo âu cho người ở lại. Hoàn cảnh chia tay hiện tại khiến ta nhớ lại nỗi khổ tâm về thân phận người yêu hay người vợ lính trong “Chinh Phụ Ngâm Khúc” của bà Đoàn Thị Điểm thuở nào:

*“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,  
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên...”*

Sau mấy ngày đêm di chuyển vượt qua những đoạn đường đèo dốc núi quanh co khá hiểm nguy trên đoạn đường dài từ Phan Rang ra Nha Trang, Qui Nhơn rồi Pleiku cuối cùng Pháo Đội ‘B’ của tôi đã đến Căn Cứ 41A chiều ngày 17 tháng 6 năm 1972, thay cho Pháo Đội ‘A’ của Trung Úy Nguyễn Văn Nhưông. Đương lúc hai pháo đội đang bàn giao nhiệm vụ, chúng tôi nhận được nhiều loạt đạn 82 ly ‘chào mừng’ của Cộng quân từ chân đèo gần đó pháo ra. Rất may quân ta vô sự

vì nhảy vào hầm kịp lúc. Căn Cứ 41A hiện do Liên Đoàn 22 BĐQ của Trung Tá Dương Đức Mai, có nhiệm vụ vừa bảo vệ căn cứ vừa mở đường đi Kontum. Đoạn đường này đã bị Việt Cộng đóng chốt nhiều nơi chưa giải tỏa được.

Nào ngờ hai đêm sau, vào khoảng bốn giờ khuya rạng sáng ngày 19/6/1972, căn cứ này bị Tiểu Đoàn 20 Đặc Công thuộc Trung Đoàn 400, Mặt Trận Tây Nguyên của Cộng Sản tấn công dữ dội (*tên đơn vị địch mới tiết lộ gần đây*). Vì luôn đề phòng đặc công nên chúng tôi tự ngăn cách vị trí pháo mình với các đơn vị bạn bằng những lớp kềm gai vòng từ khi vừa tối. Vì vậy khi địch quân lọt vào căn cứ nó không thể tràn ngay vào ta được. Nhờ đề cao cảnh giác trên cùng với lòng can đảm của các pháo thủ lúc đó; chúng tôi bình tĩnh phản công nhanh và chính xác khiến địch thất bại nặng nề để lại chiến trường 19 xác và nhiều vũ khí quan trọng như tôi đã trình bày trong bài “*Chupao Nhuộm Máu Quân Thủ*” được **Anh Tám Tình Tang** đọc trên You Tube. Đơn vị tôi được khen thưởng, tôi được thăng cấp Thiếu Tá Đặc Cách Mặt Trận. Còn 19 xác chết của địch quân, tôi ra lệnh thuộc cấp đào hố chôn tập thể bên ngoài căn cứ. Hai tuần sau đó tôi được vinh dự giữ chức vụ Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 69 Pháo Binh đóng tại Ngã Tư Biển Hồ Pleiku.



***Một đơn vị Thiết Giáp mở đường tại Chư Pao, Pleiku. (Điểm chiến lược giữa Pleiku và Kontum.)***

**\*Xin cần nói thêm** một việc khá lạ nhưng không kém phần quan trọng. Tưởng đâu quá khứ đã an bài nào ngờ **khoảng đầu tháng 7 năm 2021**, nhiều đồng hương Bình Thuận và đồng

môn Võ Bị Đà Lạt cho tôi biết: “*Có một người tên Quang ở Hà Nội đăng trong Facebook tìm tôi để chỉ dùm cậu ta nơi chôn 19 xác chết nói trên hầu đào lấy về chôn cất đàng hoàng hơn.*” Sau vài email qua lại về vấn đề này trong tinh thần ‘nghĩa tử là nghĩa tận’ như cậu nói, tôi đã thật lòng cho cậu Quang biết:

- “Lúc đó, sau khi tôi vừa ra lệnh thuộc cấp đào hố chôn 19 xác nói trên nhưng chưa kịp chôn; tôi lại được lệnh phải rời căn cứ ngay về trình diện Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Quân Đoàn II nên không thấy được họ chôn chỗ nào.” Cậu Quang có gửi kèm theo email mấy hình không ảnh cũng như sơ đồ tấn công căn cứ 41A. Sự thật là vậy không sợ gì phải dấu diếm. Lúc lâm trận ai cũng phải bảo vệ mạng sống của mình, tuy nhiên không quên lời ông bà ta đã dạy ‘nghĩa tử là nghĩa tận’ như cậu ta yêu cầu tôi. Có thể cậu Quang thuộc nhóm tìm đồng đội mất tích của VC.

### **Về Tiểu Khu Quảng Đức**

Vào khoảng giữa tháng 11 năm 1973 với chức vụ Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 69 PB tại Pleiku hơn một năm, tôi vừa đi làm chánh chủ khảo khoá Hạ Sĩ Quan Pháo Binh từ Trường Pháo Binh Dục Mỹ về. Đang dùng bữa cơm dang dở cùng vợ con, tôi lại có lệnh ‘khăn gói lên đường’ với nhiệm vụ sĩ quan phối hợp hỏa lực cho Bộ Chỉ Huy Tiên Phương Quân Đoàn II, dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Nguyễn Trọng Luật. Vậy là tôi vội và cho xong bữa cơm rồi tháp tùng Đại Tá Luật bay về tiểu khu Quảng Đức chỉ huy mặt trận tại Căn cứ Buprang, thuộc chi khu Kiến Đức đang bị Việt Cộng bao vây cả tháng nay chưa giải tỏa được.

Chúng tôi đến Trung Tâm Hành Quân Tiểu Khu Quảng Đức thì trời đã xế chiều, chỉ còn một ít tia nắng vàng le lói xuyên qua các ngọn đồi quanh tỉnh báo hiệu hoàng hôn tắt dần. Chúng tôi phải tạm nghỉ trong dinh tỉnh trưởng một đêm rồi sáng hôm sau trực thăng đưa chúng tôi đến căn cứ Buprang

lúc chín giờ sáng. Dù tình hình rất yên tĩnh nhưng Đại Tá Luật và tôi vội vàng rời trực thăng đi thẳng ra Bộ Chỉ Huy hành quân của một liên đoàn Địa Phương Quân đang ở bên ngoài căn cứ. Căn cứ này hiện được bảo vệ do hai tiểu đoàn Địa Phương Quân; một của Tiểu Khu Quảng Đức và một của Tiểu Khu Khánh Hòa tăng phái, bên trong có bốn khẩu đại bác 105 ly và một đơn vị Công Binh khai quang. Tất cả lực lượng tại đây được đặt dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Trương Sơn (Tiểu Khu Phó Quảng Đức) và Trung Tá Võ Khâm (Tiểu Khu Phó Khánh Hòa). Thiếu Tá Nguyễn Hữu Nghĩa Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Tiểu Khu Quảng Đức cũng có mặt nơi này.

Vừa đến căn cứ được mười lăm phút, theo lệnh Đại Tá Luật, tôi tạm đảm nhận chức vụ tiền sát viên bắt ‘đắc dĩ’ điều chỉnh một số hỏa tập tiền liệu những nơi nghi ngờ địch sẽ xuất hiện đánh phá căn cứ. Điều chỉnh hỏa tập xong, tôi lại được lệnh vào thay Thiếu Tá Nghĩa nghỉ phép mấy ngày, nhưng ông cảm ơn tôi và từ chối vì vợ con anh đang thăm anh. Vì vậy, tôi cùng Đại Tá Luật trở về tiểu khu trưa cùng ngày. Ngày hôm sau, khoảng bốn giờ sáng, từ căn cứ Buprang, Trung Tá Võ Khâm báo cáo:

- “Địch đang tấn công mạnh vào căn cứ.”

Chỉ liên lạc nhau vồn vện mười lăm phút ngắn ngủi rồi dứt luôn khiến chúng tôi rất lo ngại vận mệnh phe ta. Từ đó chúng tôi chỉ còn liên lạc được với Trung Úy Nguyễn Văn Năm, Trung Đội Trưởng Pháo Binh 105 ly tại đồn Bubong mà thôi. Đồn này cách căn cứ Buprang chừng tám cây số, được bảo vệ bởi chi đội thiết vận xa 113 thuộc Sư Đoàn 23 BB. Cả một căn cứ rộng lớn được bảo vệ với số quân không nhỏ như vậy lại bị thất thủ một cách nhanh chóng thương đau. Theo kinh nghiệm bản thân tại căn cứ 41A tại chân đèo Chupao ngày 19 tháng 6/1972, tôi nghĩ rằng ‘chắc chắn là bị đánh đặc công vì tội lơ là trong việc canh gác và không có hệ thống dây kẽm gai phân ranh phòng thủ giữa các đơn vị hỗn tạp bên trong. Chính lúc vừa xuống trực thăng, tôi đã thấy lính tráng thuộc nhiều đơn

vị khác nhau trong căn cứ đi lại nên không phân biệt được bạn và ta nhất là về đêm.

Điều ước đoán của tôi vừa rồi không sai. Chiều hôm đó, Thiếu Úy Nguyễn Văn Tám, trung đội trưởng Pháo Binh duy nhất trong căn cứ Buprang đã chui được qua hệ thống phòng thủ giữa lúc địch quân tràn ngập khắp nơi, về xác nhận với tôi căn cứ bị địch ‘đánh đặc công’.

Trời vừa hừng sáng, từ đồn Bubong Trung Úy Nguyễn Văn Năm báo cáo về Trung Tâm Hành Quân Tiểu Khu Quảng Đức:

- ”Đoàn xe tăng T54 địch đang tiến về đồn tôi và chúng tôi đang hạ nòng súng hướng đến xe địch chờ chúng vào trong tầm đại bác sẽ bắn trực xạ ngay.” (*Cần biết, đạn đại bác 105 ly bắn ra khỏi nòng đi một đường thẳng tới đa 1750 mét, sau đó sẽ tiếp tục đi cong theo đường Parabol.*) Vừa bắn xong Trung Úy Năm lại báo:

- ”**Tôi dùng đạn nổ bắn trúng hai xe tăng địch, chúng bị khựng lại mấy giây đồng hồ rồi lại tiếp tục tiến đến tôi.**”

Nghe xong, Đại tá Luật nhìn sang xem phản ứng của tôi. Sau mấy giây đồng hồ suy nghĩ:

- “**Dù đạn khói không** phá hủy tăng địch ít ra cũng có thể đốt cháy nếu trúng bình xăng, hay gây thương tích cho địch quân ngồi trên xe bằng chất lân tinh.”

Vì lý do đó tôi ra lệnh Trung Úy Năm dùng đạn khói bắn thẳng xe tăng. **Nào ngờ** khi đạn khói pháo binh trúng hai xe tăng, T54 đi đầu hết cựa quậy, các xe tăng còn lại đâm đầu chạy trốn vào rừng thông gần đó. Nghe tiếng vui mừng hò reo trong máy Đại Tá Luật nhìn tôi cười khoái chí. Sau khi trị được xe tăng địch tinh thần anh em pháo thủ trong đồn lên cao không còn e sợ xe tăng địch như trước. Nhưng Trung Úy Năm lại báo tiếp về:

- “Tôi yêu cầu chi đội Thiết Giáp ở lại giữ đồn cùng đơn vị tôi hầu giúp quân bạn bị thất lạc từ đồn Buprang, nhưng họ

không đồng ý và bảo Pháo Binh phải rút bỏ đồn nếu không họ bỏ lại.”

Lời báo cáo của Trung Úy Năm vang lớn qua máy truyền tin tiểu khu. dĩ nhiên âm thanh lọt vào tai Đại Tá Luật, nhưng không thấy ông ý kiến gì, nên Pháo Binh đành phải nuốt hận hủy súng đại bác tháp tùng thiết vận xa rút lui.

Đạn khói pháo binh hạ xe tăng T54 địch như xảy ra ở trên là một **khám phá bất ngờ**, chứ binh thư Pháp, Mỹ, Việt chưa thấy nói đến bao giờ. Rất buồn căn cứ Buprang thất bại nặng nề; hai vị trung tá tiểu khu phó nói trên và Thiếu Tá Nguyễn Hữu Nghĩa bị báo cáo mất tích luôn cho đến lúc đó chưa ai được trở về.

May thay cho kẻ viết bài này chưa có tên trong sổ **phong thần** nên còn sống đến nay cùng vui với bạn bè ly cà phê hoặc lai rai vài ba chai; chứ nếu hôm ấy thay thế cho Thiếu Tá Nghĩa **có thể** đã ngồi trên bàn thờ ngậm gà khỏa thân rồi. Lúc bấy giờ chắc thượng cấp quá buồn **quên luôn công trạng** đặc biệt của các pháo thủ đồn Bubong.

Sau trận thất bại quá đau thương này, Đại Tá Nguyễn Trọng Luật về giữ chức vụ Tỉnh Trưởng Darklak (Ban Mê Thuột) khoảng đầu tháng 12/1973 và Đại Tá Phạm Văn Nghìn về thay Tr/T Nguyễn Văn Thiên trong chức vụ Tỉnh Trưởng Quảng Đức. Tôi được (bị) chỉ định thay thế Thiếu Tá Nghĩa trong chức vụ CHT/ PB/ TK/ QĐ. Về sau Đại Tá Nghìn chỉ định tôi kiêm luôn Tham Mưu Phó Hành Quân Tiểu Khu và lúc sắp tan hàng lại thêm vài tháng xử lý thường vụ Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu.

Lại một lần nữa bất ngờ thay cho người vừa nằm xuống, giữa lúc vợ con bơ vơ trong hậu cứ Tiểu Đoàn 69 PB tại Pleiku cổ tục tức đùm nhau về Sài Gòn. **Rồi cuối cuộc chiến** tôi lại để lại **hai cục nợ** (2 thằng con) cho vợ lo, tiếp tục tá túc nhà mẹ vợ. Phần tôi khăn gói đi tù **“cải tạo”** tám năm và may mắn qua Mỹ theo diện HO5 do ông già vợ bảo lãnh.



Đầu tháng Giêng năm 1974, tôi đã trình bày với Trung Tướng **Nguyễn Xuân Thịnh**, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh về “Kinh nghiệm chiến trường” này, có nêu nhiều nhân chứng sống như Không Quân (quan sát thấy hai xác xe tăng T54 phơi xác tại trận), Thiết Giáp bảo vệ pháo binh đồn Bubong, quân nhân tại Trung Tâm Hành Quân Tiểu Khu Quảng Đức, cùng nhiều cấp chỉ huy đơn vị bạn từ Quân Đoàn II đến tăng viện ngày hôm đó. Đặc biệt, **Đại Tá Luật**, tư lệnh cuộc hành quân này, nay đang sống cùng gia đình tại Mỹ.

### **Quảng Đức rút quân**

Sau khi trình bày chi tiết với Trung Tướng Nguyễn Xuân Thịnh như trên, tôi mừng thầm và tin chắc không bao lâu nữa quân ta sẽ biết ‘Kinh nghiệm xương máu’ này và từ đó xe tăng địch sẽ không dám nghênh ngang trước hướng súng đại bác của ta.

Vì tin tưởng tuyệt đối vào kinh nghiệm quý báu nói trên nên khi rút bỏ Tiểu Khu Quảng Đức ngày 23/3/75 (sau khi Ban Mê Thuật thất thủ), tôi yên tâm ra lệnh Trung Đội Pháo Binh 105 của Tr/Úy Nguyễn Văn Bá phải mang theo nhiều đạn khói để diệt tăng và đạn bi hai (beehive) chống biển người. Nhờ vậy chúng tôi rất yên tâm và sau ba ngày đêm cánh quân của Tiểu Khu Quảng Đức đã đến được thị xã Bảo Lộc một cách an toàn. Qua một đêm nghỉ ngơi lấy sức, tôi hướng dẫn đoàn quân vào phòng thủ phi trường Bảo Lộc.

Tôi lại gặp hai chiếc xe chở lính Địa Phương Quân Lâm Đồng cho biết xe tăng địch xuất hiện đầu phi đạo nên phải rút lui. Tôi liền nói lớn:

- “Xe tăng địch thì có Pháo Binh diệt chứ lo gì.”

Anh đại đội trưởng Địa Phương Quân Lâm Đồng không trả lời và đi khỏi lúc nào tôi không rõ. Thực tế tình hình không đến nỗi bi quan như vậy. Tôi nghĩ thầm:

- “Không lý Bộ Chỉ Huy Pháo Binh chưa thông báo cho toàn quân ta biết mình đã có bửu bối “đạn khói pháo binh” diệt

xe tăng địch hay sao mà đơn vị này mới nghe tiếng xe tăng (có thể xe be giả tăng) đã rút lui.”

Liên đó, được lệnh đem quân đến phòng thủ với Chi Khu Di Linh, tôi lại tình cờ gặp Tr/T Dương Đăng Phong (*Tinh Trưởng Lâm Đồng*), rời tỉnh đến đây.



***Một pháo đội Pháo Binh tại Quảng Đức.***

Sau khi trình cho ông ta biết là tôi được lệnh Đại Tá Phạm Văn Nghìn vào cùng phòng thủ nơi đây và quân tôi đang tạm bố trí bên ngoài. Ông ta liền phán một câu:

- “Tình hình thế này thì cũng đành chịu.”

Rồi ông ra lệnh Chi Khu Trưởng Di Linh - Thiếu Tá Nguyễn Văn Ấn, Khóa 18 Đà Lạt - hạ Anten 292. Tôi rất ngỡ ngàng liền báo cáo lên thượng cấp và được lệnh:

- “Ai sao mình vậy.”

Sau mấy phút suy nghĩ lo âu cho số phận Liên Đoàn 24 BĐQ rút sau, tôi rời khỏi quận ra lệnh quân Quảng Đức tìm mọi cách di chuyển đến cầu Đại Ninh về Đà Lạt.

*(Vui lòng nghe bài “Cuộc rút quân của Tiểu Khu Quảng Đức do Anh Tâm Tình Tang đọc trên You tube”).*

Qua hai ngày đêm tại Đà Lạt tôi có dịp chiêm ngưỡng cảnh

đẹp xưa với bao kỷ niệm khi còn học tại trường mẹ - Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Rồi tôi cùng Đại Tá Nghìn về Phan Rang, rồi ra Nha Trang trên chiếc xe jeep. Đặc biệt tại Nha Trang tôi có gặp vài anh sĩ quan rút từ cao nguyên hay ngoài trung vào. Sau khi thăm hỏi các anh về bữa bói “Đạn khói pháo binh diệt xe tăng địch”, tôi đều được trả lời:

- “Không ai nghe nói vụ này” mà chỉ biết hỏa tiễn TOW mới diệt xe tăng địch dễ dàng thôi; còn súng M72, xạ thủ cần phải tiến gần xe tăng trong vòng 150 thước trở lại mới hy vọng bắn đứt xích xe tăng địch.”

Tại đây, tôi từ chối lệnh làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 69/ PB từ Pleiku mới rút về vì chưa đủ phương tiện chiến đấu.

Tướng đầu sau khi Bộ Chỉ Huy Pháo Binh biết “kinh nghiệm chiến trường này”, sẽ nghiên cứu hoặc xác nhận với nhiều thẩm quyền tôi đã nêu tên để thông báo cho toàn quân ta biết hầu áp dụng. Nếu quân ta biết được kinh nghiệm quý báu này, đặc biệt trong kế hoạch phòng thủ, chắc chắn họ sẽ không còn e ngại khi nghe thấy xe tăng địch như trước đây.

Quân ta sẽ xử dụng một số đơn vị Pháo Binh vào việc phòng thủ chặn đường xâm nhập của tăng địch tại một số nơi trọng yếu mà chúng phải vượt qua. Nếu chúng liều mạng đâm đầu vào sẽ làm trò chơi cho các chàng pháo thủ. Hoặc nếu muốn tránh những vị trí có pháo binh phòng thủ, chúng phải tìm đường khác tiến quân tốn nhiều thời gian hơn và cũng không dễ dàng cho các xe chở bộ binh địch đeo theo hầu uy hiếp một số đơn vị ta như đã xảy ra. Năm 2007, tôi đã đăng bài “Đạn khói pháo binh diệt tăng địch” trong Đặc San Pháo Binh Hải Ngoại và Đặc San Ân Tình Bình Thuận nên nhiều chiến hữu biết.

Vào ngày tiền Đại Hội Pháo Binh tại Nam California sau đó, trong khi tôi đang đứng ăn điểm tâm với các chiến hữu, thành linh Thiếu Tướng Bùi Hữu Nhơn, Cựu Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh đầu tiên, đứng phía sau vỗ vai tôi, hỏi:

- “Anh dùng đạn khói pháo binh diệt xe tăng địch hả?”

- Dạ, tôi chỉ ra lệnh cho Trung Úy Nguyễn Văn Năm, Khóa 4/68 Thủ Đức, bắn.

Sau đó vài năm, chính Đại Tá **Nguyễn Văn Hưng**, cựu Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn 18 ở Seattle và Trung Tá **Nguyễn Văn Ninh**, cựu Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn 22 (Denver) gọi tôi hỏi xác nhận vụ này cuối cùng đều nói:

- “Rất tiếc mới nghe biết vụ này.”

Chính Thiếu Tá **Vương Mộng Long**, K20 Đà Lạt, cựu Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 82 BĐQ, đã từng biết vụ này lúc ở Pleiku. Vì thế, khi rút khỏi quận Kiến Đức anh không quên ra lệnh pháo binh mang đạn khói theo. Lúc ở VN tôi hơi nghi ngờ tự hỏi:

- “Không hiểu Bộ Chỉ Huy Pháo Binh có báo cho toàn quân ta biết bừa bãi chống xe tăng địch không?”

Mãi đến năm 2015, tình cờ nói chuyện với một anh bạn, cùng cấp bậc thiếu tá đã phục vụ tại Bộ Chỉ Huy Pháo Binh năm 1974 trong chức vụ Trưởng Phòng Kỹ Thuật, cho tôi biết chính anh được lệnh liên lạc với cố vấn Mỹ tìm hiểu vụ này, lại được vị cố vấn trả lời:

- “Làm gì có vụ đạn khói pháo binh tiêu hủy tăng địch. Sách vở Mỹ không có đề cập vụ này.”

Vậy là Bộ Chỉ Huy Pháo Binh cho “chìm xuống” luôn, không cho ai biết. Hết ý kiến! Hết ý kiến!!! Trời ơi! Đã nói là kinh nghiệm chiến trường làm gì có trong sách vở??? Thử hỏi thép chế xe tăng địch và Mỹ có dày như nhau không, có cùng một hợp chất cấu tạo như nhau không? Đã thử nghiệm với tăng địch bị ta bắt sống chưa? Không tin nhân chứng sao?

Vì cấp chỉ huy ta kể cả Pháo Binh không mấy người hay biết Pháo Binh của ta có “bừa bãi chống tăng địch” nên khi nghe tiếng, hoặc thấy xe tăng địch xuất hiện từ xa đã hoảng hốt mất tinh thần ủa nhau thoát thân trong khi súng pháo binh

có tại mặt trận.

Sau khi biết vụ chìm xuồng như anh bạn nói, tôi không những tiếc nuối “công dã tràng” mà còn rất đau lòng hồi tưởng cảnh một số đơn vị ta rút lui một cách hỗn loạn xảy ra như ở Quốc Lộ 7 tỉnh Phú Bổn, hoặc tại Tiểu Khu Lâm Đồng mà chính tôi được chứng kiến v.v... Biết mình có ‘bửu bối’ và áp dụng sớm, chắc chắn quân ta sẽ bình tĩnh rút lui theo ‘thế chân vịt’ thì Việt Cộng không thể tiến nhanh như đã xảy ra khiến quân ta chết oan, dù bị **người bạn đồng minh phản bội**.

Tôi đã trình bày chi tiết vụ này qua tựa bài “Một khám phá quý báu bị lãng quên” trong vài Đặc San và vài tờ báo tại địa phương. Dù sao trận chiến đã lùi sâu vào quá khứ, nay rút kinh nghiệm quá thừa cho hoàn cảnh hiện tại. Ta không thể trở lại ván bài cũ được. Người có quyền quyết định thông báo đến toàn quân xử dụng bửu bối “Đạn khói pháo binh diệt tăng địch” đã ra người thiên cổ. Oán trách bằng thừa. Thôi đành cam chịu chấp nhận số phận đã an bài.

Nay sống xa quê hương những nửa vòng trái đất, đôi lúc hồi tưởng lại cảnh cũ, người xưa, tôi cảm thấy buồn tủi hờ hững ít buồn nhiều. Tuy nhiên với trách nhiệm và thành tích cá nhân mình lúc đương thời, nếu không nói là đáng tự hào thì ít ra cũng không xấu hổ với lương tâm, với ân nhân, và với những người nằm xuống cho mình được sống đến nay. Dù thế nào chúng ta cũng không nên ngủ quên mãi trong chiến bại, hay mãi mê tìm quyền lợi nơi xứ người mà phải cố thức tỉnh đôn đốc, khuyến khích lòng yêu nước Việt của mọi người không kể tuổi tác, đang luôn tranh đấu cho một Việt Nam Tự Do, Hạnh Phúc thật sự.

*Cựu Thiếu Tá CHT/PB/  
Kiêm TMP/HQ/TK Quảng Đức.*

# THẾ SỰ THẮNG TRÂM

BCD LÊ ĐẮC LỰC

*“Nhất nhật tại tù. Thiên thu tại ngoại”*

*Phan Chu Trinh*

**T**rót mang thân là một người lính trận, tôi thường phải rời xa mái ấm gia đình, rày đây mai đó vạ nẻo quân hành. Có khi một hai tháng tôi mới về hậu cứ tại Ngã Tư An Sương, Hóc Môn nghỉ dưỡng quân; hoặc những lúc đóng quân ứng chiến tại căn cứ hành quân Suối Máu, Biên Hòa, để kịp thời giải cứu các Toán Thám Sát, đang thâm nhập hoạt động trong lòng địch, hay tiếp viện các Biệt Đội xung kích, tấn công vào các căn cứ địa, mật khu của giặc cộng. Thỉnh thoảng tôi được nghe bài hát “*Ngày Về*” của **Nhạc Sĩ Hoàng Giác**, trong Chương trình Chiêu Hồi của Đài Phát Thanh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, phát ra từ chiếc Radio Philip.

*“Tung cánh chim tìm về tổ ấm,  
Nơi sống bao ngày giờ đằm thắm.  
Nhớ phút chia ly, ngại ngừng bước chân đi,  
Luyến tiếc bao ngày xanh.*

Tha thiết mong tìm về bạn cũ  
Nhưng cánh chim mịt mùng bạt gió  
Vẳng tiếng chim xanh ngày vui hót tung bay  
Mờ khuất xa xôi nghìn phương...”

Nội dung bài ca, qua phân trình bày của Ca Sĩ Hà Thanh thật tha thiết truyền cảm, gây cho tôi nỗi bồi hồi xúc động, dù biết bài ca chẳng một chút liên quan gì hết đến thân phận những người lính chiến chúng tôi. Đài Phát Thanh Quân Đội cho phát thanh, phổ biến bài hát này với chủ đích là để kêu gọi các cán binh Việt Cộng đang làm đường lạc lối, vào đánh phá Miền Nam giết hại dân lành, hãy sớm rời bỏ hàng ngũ, tìm đường ra hồi chánh với Chính Nghĩa Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa.

Nhưng ai ngờ và nghĩ được về sau này, chính nội dung bài hát “*Ngày Về*” đã trở thành niềm mơ ước, nỗi khát vọng tốt cùng của những người lính thất trận, bị giặc Cộng dày ải, lao tù khổ sai, trong các trại tù tập trung, trên các khu rừng hoang nước độc, đầy đầy gian truân, cơ cực bệnh tật và chết chóc.

\* \* \*

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 cuộc chiến Quốc Cộng chấm dứt. Nước Việt Nam Cộng Hòa từ đây bị bức tử, lọt vào tay bọn thổ phỉ phương Bắc, khiến bao nhiêu tang thương, bi hận phủ ngập cả trời Nam. Những chính sách trả thù, truy bức, bắt bớ, giam cầm của Việt Cộng đè nặng lên số phận của hầu hết Quân Dân Cán Chính VNCH; trong đó có tôi, một chiến sĩ 81 Biệt Cách Nhảy Dù.

\* \* \*

Trại tù đầu tiên Việt Cộng đưa chúng tôi đến giam giữ là Khu Trại Gia Bình của Trung Đoàn 52, Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Quân Lực VNCH, nằm sâu trong các đồi tranh, rừng chồi tại Xã Long Giao, Huyện Cẩm Mỹ, gần ngã ba Quốc Lộ 56 đi Bà Rịa, Vũng Tàu và Hương Lộ 10, cách Thị Xã Long Khánh về hướng Nam - Tây Nam khoảng 10 km.

Nơi đây, trong những tuần đầu tiên là thủ tục khai báo lý lịch cá nhân, hết trích ngang đến trích dọc,... Kế đến, mỗi ngày cứ sáng, chiều tập trung hết lên hội trường lộ thiên lộng gió, ngồi bệt dưới đất, nghe mấy chính trị viên, mặc quần

áo mới toanh, đầu đội nón cối, vai mang xà cạp, lưng đeo súng K.54, mặt đũa nào đũa nấy trắng bệch như bị phù thủng, phùng mang trợn mắt, mồm loa mép giải, thao thao bất tuyệt ca tụng, bóc thom về chiến thắng thần kỳ “giải phóng” của chúng và chê bai miền Nam. Ôi thôi đủ mọi thứ xấu xa nhất trên đời, được chúng bịa đặt ra vu khống, chụp mũ, xuyên tạc, không ngưng qua cái miệng răng hô mã tấu, giống cái bò cào lúa của dân cư miền Nam xứ dưng

Ngồi nghe những lời nói hươu nói vượn, huênh hoang, lớn lối của bọn giặc Cộng, chúng tôi ai cũng đều bực tức. Riêng tôi thì lại thấy quá mỉa mai nực cười. Đầu óc của tôi bừng nhớ lại mới ngày nào gần đây thôi, trong các trận chiến tại Ngã Ba Tân Phú Trung - Hóc Môn, tại Xã Bến Thề - Bình Dương, tại Mật Khu Mây Tào - Long Khánh, tại Tha La Xóm Đạo - Trảng Bàng, hay trong Chiến Khu D bất khả xâm phạm của Cộng quân, thì những tên Việt Cộng nhóc con “sanh Bắc tử Nam” này đã bị đánh tả tơi, thây phơi la liệt chiến địa. Một số hồn xiêu phách tán, chém về tháo chạy đập lên nhau như lũ chuột. Đám bị bắt tại trận thì quì gối lạy lục cúc bái xin tha mạng, trong khi vài ba tên bị trọng thương nằm kêu van, khóc lóc, khẩn cầu được cứu sống.

Thế rồi với tấm lòng nhân hậu vốn có của người lính Việt Nam Cộng Hòa, chỉ đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại. Đám Việt Cộng tuổi mười lăm mười sáu bị bắt, được trực thăng chuyển về trung tâm giam giữ tù binh để khai thác, trong khi những tên bị trọng thương được đưa đến Bệnh Viện Tiểu Khu Biên Hòa, hay Tổng Y Viện Cộng Hòa để kịp thời cứu chữa. Thế mà hôm nay sao lại có thể xảy ra, chứng kiến trước mắt cái xoay chiều, đảo ngược nghịch lý. Thật là quá phủ phàng, tồi tệ và đầy bi hận!

Rồi thời gian nối tiếp là khởi sự bước vào giai đoạn lao động “cải tạo”. Từng đội, từng toán, từng người kẻ ôm người vác cuốc, xẻng, dao rựa, dưới sự áp giải của một tên quản giáo và hai bộ đội trang bị súng AK, CKC, lăm lăm cầm trên



tay, sẵn sàng tác xạ, đi lên các đồi tranh cuộc đất khai hoang; xuống các ruộng khô cần cỗi, bỏ hoang lâu ngày, để đào xới lên luống, trồng khoai sắn, bắp, rau dưới nắng gay gắt, nóng hừng hực, mồ hôi rơi chảy nhễ nhại. Một đôi khi những cơn mưa rào bất chợt đổ xuống xối xả, khiến chúng tôi không có chỗ trú ẩn, áo quần ướt như chuột lột, người bị thấm nước lạnh run cầm cập, không thể đứng vững được.

Mặc dù lính đồng nghĩa với dầm mưa dãi nắng, chịu đựng gian khổ đã trở thành thói quen, nhưng chúng tôi đã gằn như không chịu đựng được vì phải làm các công việc vô cùng cực nhọc, gian nan vất vả liên tục hết ngày này qua ngày khác, như lao động khổ sai. Chỉ có hôm nay, sau ngày Miền Nam lọt vào Cộng phỉ, nơi Trại Tù “cải tạo” Long Giao, trong thân phận là kẻ chiến bại, chúng tôi đành phải ôm trọn nghiệt ngã này, phải đối mặt thực tế quá bĩ cực cay đắng, có ra sức tưởng tượng cũng chẳng bao giờ trông thấy.

Mười ngày, một tháng qua đi, cơm ăn không đủ no, làm việc thì quá sức dưới nắng trong mưa, thấm nắng nhiễm lạnh mỗi ngày, ít ai chịu đựng nổi. Một số đồng anh em dần dà mất sức, bị cảm sốt, bỏ ăn bỏ uống, tôi nằm co quắp, run lạnh vì không có mền đắp, không có đủ áo quần mặc ấm, trên nền phòng gia binh tráng bằng ciment, nứt rạn nhiều chỗ, chứa chặt cứng mười hai nhân mạng.

Chỉ sau một thời gian ngắn, da dẻ mặt nào mặt nấy rám nắng chuyển màu xám xịt, người gầy gò ốm nhom, đi đứng có phần khập khiễng. Tất cả cũng do “lao động cải tạo” chỉ mới trong vòng hai ba tháng mà đã ra thân thè như vậy đó.

Hội Hiệp Định Paris do bốn bên tham chiến gồm Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ký kết tại Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973, ngay sau đó Hoa Kỳ mang ra áp dụng chính sách: “*Thay đổi màu da trên xác chết*”, thì hôm nay sau khi Việt Cộng cướp đoạt được Miền Nam, giam tù hầu hết Quân Cán Chính

VNCH, bọn giặc này bắt chước rập khuôn phương sách trên, nhưng tráo đổi lại: “*Thay đổi màu da trên thân xác tù nhân cải tạo.*” Thật là quá nham hiểm, thâm độc, khó ai bì được cái óc độc ác nham hiểm của bọn chúng.

Có gặp phải và hứng chịu những khổ ải như thế, mới nhận ra sự xảo trá, bài bản có một không hai của “*lao động là vinh quang*” mà Việt Cộng đã viết thành khẩu hiệu, đem treo rải rác trên các hàng rào, trên các tường thành của đầu mỗi dãy trại gia binh; nhưng thực chất, mặt trái nham hiểm là nhằm trả thù bức hại địch thủ, đày ải, khổ sai đối phương cho biết tay, biết mặt “*cách mạng giải phóng*” là như thế nào, có biết không?

\* \* \*

Một năm chậm chạp cũng qua đi. Vào nửa đêm khuya khoắt, chiếc tàu hàng hải Sông Hương nhổ neo rời Tân Cảng Sài Gòn, lênh đênh trên biển cả suốt một ngày đêm tới hải cảng Bến Thủy, Tỉnh Nghệ An. Nơi đây đoàn xe Molotova chờ sẵn chờ chúng tôi ra ga xe lửa, lại dồn đông lên các khoang tàu chở than đầy bụi bặm, để tới bến phà Hồ Thác Bà, Tỉnh Yên Bái. Từng chiếc ca nô như con thoi đưa hết chúng tôi đến dưới chân rặng núi rừng Hoàng Liên Sơn rậm rạp trùng điệp bao quanh. Một nhóm bộ đội mang đầy súng đạn dẫn giải chúng tôi lội bộ trên núi xuyên rừng, trong suốt bốn giờ mới tới một khu đồi thông thoải thoải. Phía bên trái đồi, trên bãi đất trống đầu lưng vách núi là một dãy nhà vách ván mái tranh, trên cao ngay chính có treo tấm bảng lớn ghi hàng chữ:

**“*Trại 5 - Liên Trại 4 - Đoàn 776 - Huyện Văn Bàn, Tỉnh Lào Cai.*”**

Huyện Văn Bàn nằm về phía Đông Nam Tỉnh Lào Cai cách khoảng 40 cây số, thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Văn Bàn. phía Đông giáp Huyện Bảo Yên, phía Tây giáp Tỉnh Lai Châu, phía Nam và Đông Nam giáp Tỉnh Yên Bái, phía Bắc giáp Huyện Bảo Thắng và Sa Pa. Huyện Văn Bàn nằm giữa hai dãy núi lớn là Hoàng Liên Sơn ở phía Tây Bắc và dãy núi

Con Voi ở phía Đông Nam.

Tại khu vực Huyện Văn Bàn đèo heo hút gió, núi rừng bao la, mịt mù, được mệnh danh là vùng: “Ruồi vàng, Bọ chó, Gió Than Uyên”, năm trăm tù nhân bao gồm sĩ quan, tuyên úy và viên chức chính quyền Miền Nam Việt Nam bị cầm giữ vô thời hạn, bị mang bản án tù lưu đày, khổ sai biệt xứ từ đây.

*(Than Uyên là một huyện của tỉnh Lai Châu, có thung lũng lớn khép kín giữa hai núi Phan Xi Păng và Púng Luông, đồng thời có cánh đồng Mường Than, một trong bốn cánh đồng lớn nhất Tây Bắc Việt Nam),*

“Nước sông công tù” là đường lối mà Việt Cộng tận dụng tối đa để hành hạ tù “cải tạo”. Bất kể núi rừng bao la, suối thác, sông hồ Thác Bà, Nậm Chăn đổ chảy uốn lượn bao quanh, thì sự hành xác tù cải tạo ở Long Giao hay nơi này cũng giống nhau như một. Chỉ khác là nơi chốn và địa thế quá xa xôi, sơn lam chướng khí, hiểm trở nguy nan chờ chực từng giây phút.

Khí hậu ở vùng rừng núi Văn Bàn cũng rất khắc nghiệt, nóng thì cháy da người, mà lạnh buốt thấu xương tủy. Anh em không áo ấm, không chăn mền, chỉ năm ba bộ áo quần mỏng manh mang theo, nên không thể chịu đựng nổi, lạnh run cầm cập, lạnh thấu xương tủy. Cũng may nhờ mỗi tối, trong mỗi lán trại, anh em chắt ba đồng củi gỗ đốt cháy bùng lên, tỏa sức nóng sưởi ấm mà ngủ được qua đêm

Hằng ngày các bữa ăn sáng, trưa, tối chỉ có vài ba củ khoai, củ sắn, hoặc lưng chén bo bo, ăn chỉ đủ cầm hơi. Vừa đói vừa rét mà làm việc thì nặng nhọc vượt quá sức người. Mở mắt là đã có bộ đội đến giao việc. Từng toán hai ba người mang theo dao rựa thô sơ, trèo lên núi, đi sâu trong rừng, lùng sục tìm kiếm để đốn hạ những thân cây cao to, những bụi tre nửa già đầy gai góc chằng chịt bao quanh, mang về xây dựng lán trại (nhà ở). Trong rừng rậm bao la, tìm cho ra các loại cây này đã khó, mà muốn chặt, muốn mang về tới trại là cả một kỳ công, mọi nguy hiểm chực chờ, không thể lường trước, đôi khi phải

đánh đôi cả tính mạng.

Dĩ nhiên, cái gì đến cũng phải đến, những tai ương đã đổ ập lên thân phận tù nhân. Mở đầu là cái chết thảm thương của Đại Úy Loan, bị thân cây gỗ ngã đè dập thân mình chết ngay tại chỗ. Tiếp sau là Đại Úy Đặng Đức Châu, Đại Úy Chương, Trung Úy Hiệp, Thiếu Úy Minh. Trung Tá Phạm Văn Nghim, người bị cây tre sóc thủng ruột gan. Người bị chết chìm dưới sông Nậm Chăn khi bơi đẩy các cột gỗ về trại, người bị lao碌 kiệt sức hay đói quá ăn lầm trái cây rừng độc, chết. Người bị sốt rét rừng không có thuốc thang chữa trị, chỉ được cấp phát độc nhất những viên thuốc Xuyên Tâm Liên đen xỉ, do Việt Cộng bào chế. Thuốc này trị mọi thứ bệnh, nhưng uống không tác dụng hiệu quả gì, mà chỉ đưa đến nhiều cái chết tức tưởi, oan uổng, chết không vợ con, không người thân thuộc, chết mà sẽ không bao giờ được ngậm cười nơi chín suối.

Trên ngọn đồi tranh, cách xa trại chừng năm trăm mét, lần lượt những ngôi mộ của các bạn tù đã sớm ra đi được chúng tôi chôn cất, đắp nấm, dựng bia gỗ, có khắc tên bằng cây sắt nung lửa, với nỗi tiếc thương vô hạn, đau đớn tột cùng, hờn căm ngập kín trong lòng.

Mỗi lần đi nhổ sắn, bẻ bắp, trồng rau, ngang qua đồi, chúng tôi đều lên thăm viếng, dẫy cỏ, vun đắp, tu bổ mộ phần. Trong không gian vắng lặng, đứng chấp tay cầu nguyện trước những nấm mồ nằm chơ vơ, lạnh lẽo nơi chôn xa xăm cách trở. Chúng tôi không cảm được nước mắt, trong lòng mang nặng ưu tư lo lắng, không biết tới giờ khắc này, chắc gì vợ con các bạn tù xấu số, biết được chồng cha mình một lần ra đi là mãi mãi không bao giờ trở lại, là vĩnh viễn chôn vùi xác thân nơi chôn thâm sơn cùng cốc. Sau khi thăm xong, không ai trong chúng tôi không bi quan mà nghĩ rằng có thể một ngày gần thôi, biết đâu thân xác mình, các anh em khác, rồi sẽ bị vùi chôn nơi đây. Ngọn đồi tranh kia sẽ trở thành nghĩa trang “tù cải tạo”, không người thăm viếng, không ai nhang khói. Nơi đây chỉ có gió thổi, mây bay lạng lờ; chỉ có giông tố, bão táp

trút đồ găm thét thể thôi.

Càng suy nghĩ càng thâm đau, càng xót xa cho một cuộc đời quá tội tệ, chẳng có một ai nghĩ đến, không có ai biết được gì cả, nó đổ ập xuống quá bất ngờ, chóng vánh, còn nhanh hơn cả tiếng sét trời đánh. Rồi cứ như thế, những tù nhân không bản án sẽ mãi biệt xứ mù khơi, tất cả quyền sinh sát đều đã nằm trong tay của kẻ cướp Nước.

Mỗi đêm về đặt lưng nằm xuống trong khoảng nhỏ giới hạn 3 x 10 gang tay, trên các thanh tre nửa, do các bàn tay tù nhân đan kết gập gềnh thành cái sạp dài bên trong lán trại, tôi cứ trần trọc vì bị ám ảnh về những cái chết thảm thương của các bạn tù, bởi vì tôi mù mịt ngày về. Trong màn đêm tăm tối, trong thâm đậm nỗi buồn ngã ngựa sa cơ, hình ảnh vợ con tôi lớn vồn hiển hiện trước mắt. Làm sao tôi quên được khuôn mặt hân hoan rạng rỡ của vợ mình sau mỗi lần tôi theo đơn vị hành quân diệt giặc, sống sót trở về. Nhớ biết mấy bốn đứa con thơ dại, đứa kéo tôi cúi xuống hôn lên mặt, đứa quấn quít đeo theo sau lưng, đứa bịn rịn ôm chặt chân tôi không rời. Còn đứa thì nhìn tôi vô tư, ngơ ngác vào sáng ngày tôi rời xa gia đình, bước vào con đường tù tội. Bỗng tôi nghe bên tai văng vẳng đâu đây bài ca “Ngày Về”:

*“Tung cánh chim tìm về tổ ấm,  
Nơi sống bao ngày giờ đằm thắm.  
Nhớ phút chia ly, ngại ngừng bước chân đi,  
Luyến tiếc bao ngày xanh...”*

Lời ca tha thiết, chứa đựng sâu sắc niềm mơ ước, hoài bão sâu đậm, luôn ấp ủ, mãi đeo đẳng trong lòng chúng tôi khắp muôn ngả muôn nơi. Lời ca theo đuổi chúng tôi suốt những năm dài bị giam tù, chịu án lưu đày khổ sai từ trong Nam ra tới tận miền Bắc, trải qua các trại tù khắc nghiệt như: Long Giao - Tỉnh Long Khánh, Văn Bàn - Tỉnh Lào Cai, Phú Sơn 4 - Tỉnh Thái Nguyên; Nam Hà - Tỉnh Hà Nam; Yên Trạch - Tỉnh Lạng Sơn; Yên Hạ - Tỉnh Sơn La và hai Trại Tù Số 3 Huyện Tân

Kỳ, Trại Tù Số 6 Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An. Còn nhiều nơi chốn khác nữa tôi không biết hết, kể từ sau khi Nước mất Nhà tan, mà ngày đi ở tù thì có, nhưng ngày về thì không, nhưng ngày chết chắc chắn “chỉ mảnh treo chuông”.

Ôi! Cay đắng thay khi thế sự thăng trầm! Tiếc thương thay cho những bạn tù đã chết oan uổng khi ngã ngựa sa cơ!

## **Tháng Tư**

*Ngân Anh*

*(Tặng XLB8)*

Tháng Tư đời chết trong ta  
Em xưa tựa cửa người xa chưa về  
Tháng Tư mây phủ Sơn Khê  
Ta đi mang tiếng phụ thê cố nhân  
*Bao năm ánh mắt lạc thân*  
*Biết tìm đâu bóng cố nhân ngày nào*  
*Lòng nghe nổi sóng dạt dào*  
*Nhớ về ngày cũ đến sao trên trời*  
Tôi quên sao được một thời  
Yêu đương mộng đỏ bờ môi người tình  
Giờ đây đếm bước một mình  
Nghe lòng thắm lạnh nghe tình trôi xa  
*Lắm khi muốn trách trời già*  
*Bày chi ra cảnh người xa nhớ người*  
*Tháng Tư ai tắt nụ cười*  
*Xin em ở lại hiểu người ra đi.*